

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-PT

Ngày: 17-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh; Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo P.V.K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2020/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **P.V.K**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới H.N.T.T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P.V.H và bà V.T.T.L; vợ: M.T.B.H(đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông L.V.S– Luật sư Văn phòng luật sư L.S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

+ Bị hại: anh N.T.V; sinh năm 2002; Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; có mặt.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh N.T.T; sinh năm 1995; Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do N.T.V nghi ngờ H.N.T.T chọc ghẹo bạn gái mình nên vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12/5/2020, N.T.V điện thoại cho H.N.T.T qua Facbook kêu H.N.T.T đưa điện thoại cho vợ H.N.T.T để nói chuyện. H.N.T.T nói không liên quan gì đến vợ mình và tắt máy. Sau đó, N.T.V điện thoại lại kêu H.N.T.T ra quán A thuộc ấp Q, xã Q, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre gặp N.T.V để nói chuyện. H.N.T.T liền điện thoại cho P.V.K kể lại sự việc mâu thuẫn với N.T.V và nói với P.V.K do nhóm N.T.V đã uống say sợ đi đến bị đánh nên kêu P.V.K đi theo có gì phụ can ngăn nhóm N.T.V giùm và P.V.K đồng ý. Khi H.N.T.T và P.V.K đến nơi, H.N.T.T đi qua bên kia đường đối diện quán A nói chuyện với N.T.V còn P.V.K đứng đợi gần bên quán A. Khi H.N.T.T và N.T.V nói chuyện, P.V.K thấy nhóm bạn N.T.V có nhiều người đứng vây quanh H.N.T.T, P.V.K nhớ lại trong cốp xe mình có để dao bấm nên lấy dao cắt vào túi áo khoác. P.V.K bước đến chỗ N.T.V và hỏi muốn đánh nhau hay gì mà đứng vây quanh H.N.T.T. N.T.V nghe vậy liền nói chuyện không liên quan đến P.V.K và kêu P.V.K biến đi. Lúc này, hai bên xảy ra xô xát đánh nhau, N.T.V đánh nhau với H.N.T.T, P.V.K đánh nhau với bạn N.T.V. Trong lúc hai bên đánh nhau, P.V.K lấy dao bấm đâm vào vùng hông và lưng của N.T.V gây thương tích. Sau đó, N.T.V được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu. Trên đường về P.V.K nói với H.N.T.T đã lấy dao đâm N.T.V (lúc này H.N.T.T mới biết) và vứt bỏ dao xuống sông khu vực cầu An Hóa nên không tìm được hung khí.

Giấy chứng nhận thương tích ngày 25/5/2020 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 152-620 ngày 17/6/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của N.T.V như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương dọc hông-lưng trái kích thước 03cm x 01cm, xuyên thủng phúc mạc thành sau, thủng đại tràng góc lách 01 lỗ dài 03 cm, bờ lỗ thủng nhám nhờ, xì dịch tiêu hóa vào ổ bụng, phúc mạc thành sau lan rộng kích thước 10cm x 10cm.

- Phẫu thuật: Mở bụng đường giữa trên và dưới rốn đưa lỗ thủng đại tràng góc lách ra làm hậu môn nhân tạo.

- Hiện: Hậu môn nhân tạo đã đóng lành sẹo chưa cắt chỉ, kích thước 04cm x

0,1cm; vết mổ đường giữa trên và dưới rốn đã lành sẹo, kích thước 13cm x 0,2cm; vết dẫn lưu đã lành sẹo, kích thước 1,5cm x 0,5cm; vết thương dọc hông-lưng trái đã lành sẹo, kích thước 03cm x 0,2cm; vết thương vùng hông-lưng phải kích thước 07cm x 01cm đã lành sẹo, kích thước 06cm x 0,3cm.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 45%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2020/HS-ST ngày 27-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã tuyên bố bị cáo P.V.K phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P.V.K 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù H.N.T.T từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 588; 590 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo P.V.K tiếp tục bồi thường cho bị hại N.T.V số tiền 49.143.000 đồng và bồi thường cho anh N.T.T số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/12/2020, bị cáo P.V.K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt. Ngày 18/01/2021, bị cáo kháng cáo bổ sung yêu cầu xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P.V.K 05 (năm) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại N.T.V 49.143.000 đồng và bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan N.T.T 10.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Diễn biến sự việc xô xát nhau chưa hợp lý ở điểm bị hại có đứng đối diện với bị cáo, thách thức xô xát với bị cáo nên bị cáo mới cầm dao đâm bị hại. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm bị hại cũng thừa nhận có một phần lỗi là nguyên nhân dẫn đến vụ án xảy ra nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có H.N.T.T chất côn đồ. Do bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có H.N.T.T chất côn đồ và bị hại có lỗi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và bồi

thường.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và tiền bồi thường để bị cáo sớm về gia đình lo cho con nhỏ và cha đang bị bệnh tim.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: trên cơ sở hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: mặc dù không có quen biết và không có mâu thuẫn gì với anh N.T.V nhưng vì bệnh vực bạn là H.N.T.T khi H.N.T.T đang đánh nhau với anh N.T.V mà P.V.K đã dùng dao bấm đâm vào hông và lưng của N.T.V gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do là 45%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo P.V.K phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 260 của Bộ luật Hình sự với tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm” và “có H.N.T.T chất côn đồ” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Người bào chữa cho rằng bị cáo phạm tội nhưng không thuộc trường hợp có H.N.T.T chất côn đồ do bị hại thách thức, xô xát với bị cáo là không có căn cứ bởi lẽ: trong quá trình điều tra bị cáo trình bày không có xô xát với bị hại, đồng thời bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều khai giữa bị cáo và bị hại không có xô xát với nhau mà bị hại chỉ có lời nói bị cáo không liên quan đến chuyện này nên biến đi thì ngay lập tức bị cáo cầm dao đâm bị hại hai nhát gây thương tích.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc H.N.T.T chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 05 năm tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đồng thời, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra. Vì vậy, không có

cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa mà giữ nguyên hình phạt tù để bị cáo thi hành mới đủ sức giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm bớt phần trách nhiệm dân sự, thấy rằng: bị hại N.T.V có yêu cầu bồi thường các khoản: chi phí điều trị thương tích là 5.543.000 đồng; chi phí xe cấp cứu, đi về tái khám là 1.800.000 đồng; chi phí ăn uống bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 2.000.000 đồng; tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị và dưỡng thương là 12.000.000 đồng và bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 29.800.000 đồng, tổng số tiền mà anh N.T.V yêu cầu bồi thường là 51.143.000 đồng. Anh N.T.T yêu cầu bồi thường số tiền mất thu nhập trong thời gian chăm sóc bị hại N.T.V là 10.000.000 đồng. Xét thấy đây là các chi phí hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã đồng ý bồi thường tất cả các khoản trên nên không có căn cứ để giảm nhẹ mức bồi thường theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc H.N.T.T chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng để đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự và dân sự phúc thẩm, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1.1- Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P.V.K 05 (năm) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù H.N.T.T từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 588; 590 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo P.V.K bồi thường cho:

- Bị hại N.T.V số tiền 49.143.000 (bốn mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba

nghìn) đồng.

- Người có quyền lợi liên quan N.T.T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền bồi thường nêu trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo P.V.K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã V, h. Bình Đại (1b);
- Bị cáo + Người bào chữa (2b);
- Bị hại + NCQL&NVLQ (2b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn